

**ỦY BAN THƯỜNG VỤ
QUỐC HỘI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Pháp lệnh số: 03/2012/UBTVQH13

**PHÁP LỆNH
Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật**

Căn cứ Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị quyết số 51/2001/QH10;

Căn cứ Điều 93 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 17/2008/QH12;

Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Pháp lệnh Pháp điển hệ thống quy phạm pháp luật,

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Pháp lệnh này quy định nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục pháp điển; trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện pháp điển và các điều kiện bảo đảm cho công tác pháp điển.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Pháp lệnh này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Pháp điển* là việc cơ quan nhà nước rà soát, tập hợp, sắp xếp các quy phạm pháp luật đang còn hiệu lực trong các văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan nhà nước ở Trung ương ban hành, trừ Hiến pháp để xây dựng Bộ pháp điển.

2. *Chủ đề* là bộ phận cấu thành của Bộ pháp điển, trong đó chứa đựng quy phạm pháp luật điều chỉnh các nhóm quan hệ xã hội nhất định được xác định theo lĩnh vực.

3. *Đề mục* là bộ phận cấu thành của chủ đề, trong đó chứa đựng quy phạm pháp luật điều chỉnh một nhóm quan hệ xã hội nhất định.

Điều 3. Nguyên tắc thực hiện pháp điển

1. Không làm thay đổi nội dung của quy phạm pháp luật được pháp điển.
2. Theo thứ bậc hiệu lực pháp lý của quy phạm pháp luật từ cao xuống thấp.
3. Cập nhật quy phạm pháp luật mới được ban hành vào Bộ pháp điển và loại bỏ quy phạm pháp luật hết hiệu lực khỏi Bộ pháp điển.
4. Tuân thủ thẩm quyền, trình tự, thủ tục thực hiện pháp điển.

Điều 4. Thẩm quyền thực hiện pháp điển

1. Bộ, cơ quan ngang Bộ thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành hoặc chủ trì soạn thảo; quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình điều chỉnh những vấn đề thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của mình.

2. Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm toán Nhà nước thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do mình ban hành hoặc chủ trì soạn thảo; quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do cơ quan, tổ chức, đại biểu Quốc hội trình điều chỉnh những vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của mình.

3. Văn phòng Quốc hội thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do Quốc hội, Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành điều chỉnh những vấn đề không thuộc thẩm quyền thực hiện pháp điển của cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Văn phòng Chủ tịch nước thực hiện pháp điển đối với quy phạm pháp luật trong văn bản quy phạm pháp luật do Chủ tịch nước ban hành không thuộc thẩm quyền thực hiện pháp điển của cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 5. Sử dụng Bộ pháp điển

Bộ pháp điển được xây dựng theo quy định tại Pháp lệnh này là Bộ pháp điển chính thức của Nhà nước, được sử dụng để tra cứu trong áp dụng và thực hiện pháp luật.

Chương II**BỘ PHÁP ĐIỂN VÀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC PHÁP ĐIỂN****Điều 6. Cấu trúc của Bộ pháp điển**

1. Bộ Pháp điển được cấu trúc theo các chủ đề. Mỗi chủ đề có một hoặc nhiều đề mục. Trong đề mục, tùy theo nội dung có thể có phần, chương, mục, điều, khoản, điểm.

2. Trong Bộ pháp điển, đề mục, phần, chương, mục, điều, khoản, điểm được đánh số thứ tự; trường hợp có liên quan đến nội dung khác của Bộ pháp điển thì phải được chỉ dẫn.

Các điều trong Bộ pháp điển được ký hiệu để phân biệt hình thức văn bản quy phạm pháp luật và được ghi chú để nhận biết điều của văn bản quy phạm pháp luật được pháp điển.

3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.

Điều 7. Các chủ đề trong Bộ pháp điển

Các chủ đề trong Bộ pháp điển được quy định và sắp xếp như sau:

1. An ninh quốc gia;
2. Bảo hiểm;
3. Bru chính, viễn thông;
4. Bỏ trợ tư pháp;
5. Cán bộ, công chức, viên chức;
6. Chính sách xã hội;
7. Công nghiệp;
8. Dân số, gia đình, trẻ em, bình đẳng giới;
9. Dân sự;
10. Dân tộc;
11. Đất đai;
12. Doanh nghiệp, hợp tác xã;
13. Giáo dục, đào tạo;
14. Giao thông, vận tải;
15. Hành chính tư pháp;
16. Hình sự;
17. Kế toán, kiểm toán;
18. Khiếu nại, tố cáo;
19. Khoa học, công nghệ;
20. Lao động;
21. Môi trường;
22. Ngân hàng, tiền tệ;
23. Ngoại giao, điều ước quốc tế;
24. Nông nghiệp, nông thôn;
25. Quốc phòng;
26. Tài chính;
27. Tài nguyên;
28. Tài sản công, nợ công, dự trữ nhà nước;
29. Thi đua, khen thưởng, các danh hiệu vinh dự nhà nước;
30. Thi hành án;